

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 332/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 9 – 2023

V/v “Tranh chấp của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lâm Yến Nhi
- Bà Lê Trường An

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Chiến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 607/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023 về việc “Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 358/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị K, sinh năm: 1975 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S.L, xã KBTB, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Lý Văn V, sinh năm: 1977 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S.L, xã KBTB, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Lê Thị K ngày 31/8/2023 và trong biên bản hòa giải ngày 12/9/2023, chị Lê Thị K và anh Lý Văn V thống nhất trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị K và anh V chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 1992, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Trong quá trình chung sống, anh, chị luôn bất đồng quan điểm,

thường xuyên cãi vã, không thể hòa hợp được với nhau nên anh, chị không còn chung sống vợ, chồng khoảng 06 năm nay.

Từ nội dung trên, anh, chị nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống và duy trì mối quan hệ vợ, chồng được nữa nên anh, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được chấm dứt mối quan hệ vợ, chồng.

- Về con chung: Chị K, anh V xác định có 02 người con chung là Lý Lo R, sinh năm 1994 và Lý Các M, sinh năm 1996, hiện các con anh, chị trưởng thành và có sống riêng nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh, chị xác định không có.

- Về nợ chung: Anh, chị khai nhận giữa anh, chị không có nợ chung và không ai nợ lại anh, chị.

Do điều kiện công việc, đi lại khó khăn nên anh, chị yêu cầu Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh, chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Về loại việc và thẩm quyền của Toà án: Tranh chấp giữa chị Lê Thị K và anh Lý Văn V là “Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với việc vắng mặt đương sự: Xét thấy chị Lê Thị K và anh Lý Văn V có yêu cầu xin được vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị K và anh V theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên thực tế, chị Lê Thị K và anh Lý Văn V có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 1992 đến 2017. Theo chị K và anh V xác định, giữa anh, chị không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị K và anh V đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức, nay chị K và anh V có yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống, anh, chị luôn bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình và thường xuyên cãi vã, gây bất hòa với nhau mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó, chị K và anh V xác định tình cảm vợ, chồng giữa anh, chị không còn nên anh, chị đã tự sống ly thân hơn 06 năm qua.

Theo tinh thần tại điểm b khoản 3 của Nghị quyết 35 của Quốc hội quy định: Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ, chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật

hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Mặt khác, căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con ... thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét mâu thuẫn thực tế của chị K và anh V đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại cũng không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Lý Lo R và Lý Các M đã thành niên, có cuộc sống riêng nên không đặt ra xem xét việc trông nom, chăm sóc và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị K và anh V xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị K và anh V khai nhận giữa anh, chị không có nợ chung và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị K là nguyên đơn nên chị phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị K và anh V được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị K và anh Lý Văn V.

2 - Về con chung: Hiện đã thành niên nên không đặt ra xem xét việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng.

3 - Về tài sản chung: Không có.

4 - Về nợ chung: Không có.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị K phải chịu 300.000đ, ngày 31 tháng 8 năm 2023, chị K đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số: 7337 được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6 - Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị K và anh Lý Văn V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Minh Hải